TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày: 15-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tôn.

2. Ông Trần Văn Khổ.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 1171/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; địa chỉ: Số 89 đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 278 đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền số 8862.10/2025/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 02 tháng 10 năm 2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 6, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 08 năm 2025 của nguyên đơn, lời khai

trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T trình bày:

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, bà Trần Thị P có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 48.000.000 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 325-P-7099383, lãi suất thoả thuận là 66%/năm, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 13 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị P số tiền đã vay nêu trên. Sau khi vay số tiền nêu trên, bà Trần Thị P đã trả nợ gốc 123.302 đồng, trả nợ lãi 40.968.318 đồng và trả phí 38.760.240 đồng. Ngày 07 tháng 08 năm 2024, bà Trần Thị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tổng dư nợ còn lại mà bà P còn nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 116.189.635 đồng, trong đó nợ gốc 47.876.698 đồng, nợ lãi 68.312.937 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc tạo điều kiện giải quyết khoản vay nhưng bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ. Việc vi phạm nghĩa vụ của bà Trần Thị P làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 116.189.635 đồng, trong đó tiền gốc 47.876.698 đồng, tiền lãi 68.312.937 đồng; yêu cầu bà Trần Thị P tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà. Tuy nhiên, bà Trần Thị P không tham gia tố tụng, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 116.189.635 đồng, trong đó tiền gốc 47.876.698 đồng, tiền lãi 68.312.937 đồng của Hợp đồng mở thẻ số 325-P-7099383 ngày 29 tháng 01 năm 2018; buộc bà Trần Thị P tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả khoản nợ tín dụng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết. Bị đơn bà Trần Thị P cư trú tại thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trần Thị P.

[3] Về nội dung án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có căn cứ chứng minh vào ngày 29 tháng 01 năm 2018, bà Trần Thị P vay của Ngân hàng số tiền 48.000.000 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 325-P-7099383, lãi suất thoả thuận 66%/năm. Ngoài ra còn những thỏa thuận khác được quy định trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau khi vay số tiền nêu trên, bà Trần Thị P đã trả nợ gốc 123.302 đồng; tổng dư nợ còn lại mà bà P còn nợ của Hợp đồng mở thẻ số 325-P-7099383 tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 116.189.635 đồng, trong đó tiền gốc 47.876.698 đồng, tiền lãi 68.312.937 đồng. Ngày 07 tháng 8 năm 2024, bà Trần Thị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng mở thẻ 325-P-7099383. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Do đó Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 116.189.635 đồng, trong đó tiền gốc 47.876.698 đồng, tiền lãi 68.312.937 đồng của Hợp đồng mở thẻ số 325-P-7099383 ngày 29 tháng 01 năm 2018; yêu cầu bà Trần Thị P tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều

3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 116.189.635 đồng x 5% = 5.809.481 đồng, lấy tròn số 5.809.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.266.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003263 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Căn cứ vào các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

2. Buộc bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 116.189.635 đồng, trong đó tiền gốc 47.876.698 đồng, tiền lãi 68.312.937 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16 tháng 5 năm 2026) bà Trần Thị P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất

cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị P phải chịu số tiền 5.809.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 2.266.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003263 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15 tháng 05 năm 2026). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục thi hành án dân sự khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh